

Số: 1297/2024/QĐST-HNGĐ

X, ngày 19 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N.V.S, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 293/4 đường N, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đ.V.T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 223/2/20 đường số 8, Phường B, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/9/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư ông T.T.Đ, sinh năm 1971 thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà T.T.C.T, sinh năm 1963 Địa chỉ: Số 480/10 đường C, tổ 57, khu phố 8, Phường B, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông N.X.K, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 120/912A đường K, Phường B, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo Giấy ủy quyền ngày 13/4/2024.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông N.V.S, sinh năm 1961 và bà T.T.C.T, sinh năm 1963 là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 676, tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã T, Huyện C,

Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 10/01/2011 do Ủy ban nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2.2. Các đương sự ông N.V.S do ông Đ.V.T đại diện theo ủy quyền; bà T.T.C.T do Ông N.X.K đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 676, tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị tương đương 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng).

2.3. Ông N.V.S, bà T.T.C.T mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản chung tương đương: 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

2.4. Giao cho bà T.T.C.T quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 676, tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 10/01/2011 do Ủy ban nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Bà T.T.C.T phải có nghĩa vụ hoàn trả phần giá trị tài sản mà ông N.V.S được hưởng theo tỉ lệ và số tiền như đã phân chia ở trên, cụ thể là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 30/8/2024, hạn chót phải trả hết tiền là ngày 30/12/2024.

Ngay khi bà T.T.C.T trả đủ cho ông N.V.S số tiền nêu trên, Ông S phải có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 676, tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 10/01/2011 do Ủy ban nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) cùng bản chính toàn bộ giấy tờ, hồ sơ quyền sở hữu nhà cho bà T; bà T.T.C.T được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định chung của pháp luật; Bà T phải nộp nghĩa vụ tài chính về thuế trong quá trình sang tên nếu có.

Việc trả tiền, giao nhà và hồ sơ giấy tờ được thực hiện cùng một lúc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Nếu đến thời hạn trả tiền đã nêu trên mà bà T.T.C.T không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ trả tiền cho ông N.V.S thì giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 676, tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã T, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 10/01/2011 do Ủy ban nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp). Số tiền thu được qua bán đấu

giá, sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc thi hành án theo quy định, còn lại sẽ chia cho Ông S bà T theo tỉ lệ, cụ thể: ông N.V.S được chia $\frac{1}{2}$; bà T.T.C.T được chia $\frac{1}{2}$.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện: Tranh chấp chia tài sản chung căn nhà số 480/10 đường C, tổ 57, khu phố 8, Phường B, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và bà T không phải trả cho Ông S khoản tiền cho thuê phòng trọ ở khu đất xã T, Huyện C kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 22/8/2023) đến khi bản án quyết định có hiệu lực và thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S, bà T thuộc trường hợp được miễn án phí.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông N.V.S tự nguyện chịu.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang